

Bản án số: 41/2022/HS-ST  
Ngày 05 - 8 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TK - TỈNH HD**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TK.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện TK, tỉnh HD tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2022/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 33a/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn S** - sinh năm: 1994 tại xã Quang Trung, huyện TK, tỉnh HD; Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn An Hộ, xã Quang Trung, huyện TK, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (*đã chết*) và bà Đào Thị Gi - sinh năm: 1969; Vợ: chị Phạm Thị L - sinh năm: 1996 (*đã ly hôn*). Bị cáo có 01 con - sinh năm: 2016.

*Tiền sự:* không.

*Tiền án:*

- Bản án số: 37/2019/HS-ST ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện ThH, tỉnh HD xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" (*trị giá tài sản chiếm đoạt là 16.940.000 đồng*), bị cáo nộp tiền án phí ngày 16/12/2019.

- Bản án số: 45/2019/HS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện NGi, tỉnh HD xử phạt bị cáo 13 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" (*trị giá tài sản chiếm đoạt là 15.100.000 đồng*), chấp hành xong án phạt tù ngày 03/10/2021, nộp tiền án phí ngày 16/12/2019.

**Biện pháp ngăn chặn:** Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh HD theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số:

06/LB-CSĐT ngày 08/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Văn T** (tên gọi khác Nguyễn Văn Th)- sinh năm: 1985 tại xã Quang Trung, huyện TK, tỉnh HD; ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn An Hộ, xã Quang Trung, huyện TK, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1959; Vợ: chị Đặng Bích Hạ - sinh năm: 1985 (đã ly hôn).

Tiền sự: không.

Tiền án:

- Bản án số: 29/2019/HS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố HP xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”(trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.200.000 đồng), nộp tiền án phí ngày 18/01/2020.

- Bản án số: 53/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh HD xử phạt bị cáo 14 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 04/7/2021, nộp tiền án phí ngày 03/3/2020.

**Biện pháp ngăn chặn:** Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh HD theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 07/LB-CSĐT ngày 08/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: thôn Hàm Hy, xã Cộng Lạc, huyện TK, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: thôn Hàm Hy, xã Cộng Lạc, huyện TK, tỉnh HD.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Đồng Thị Hoài N, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: thôn Đôn Giáo, xã Cộng Lạc, huyện TK, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước, không có việc làm ổn định nên Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Văn Th) đã rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu, cụ thể:

Khoảng 13 giờ 30' ngày 17 tháng 01 năm 2022, S gọi điện thoại rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wish, kiểu dáng Future, sơn màu xanh, biển số 16H7-3953 chở T đi đến xã Cộng Lạc, huyện

TK, tỉnh HD. Khi đến nhà chị Lê Thị Th, sinh năm 1986 ở thôn Hàm Hy, xã Cộng Lạc, huyện TK, tỉnh HD, quan sát thấy trong nhà dựng một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, màu đỏ đen, biển số 34B3-860.64 nhưng không có người trông giữ, T bảo S ngồi trên xe mô tô cạnh giới để T đi vào trong nhà chị Th. Do chìa khóa xe mô tô vẫn cắm ở ổ khóa điện, T dắt xe mô tô ra ngoài cửa, mở khóa điện rồi cùng với S mang xe mô tô chiếm đoạt được đến bán cho anh Vũ Văn Kh ở thôn Đông Nham 1, xã Quốc Tuấn, huyện AL, thành phố HP được số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), T chia cho S 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm đồng*).

Tiếp đến, khoảng 19 giờ 30' cùng ngày, S tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T đi đến xã Cộng Lạc, huyện TK, tỉnh HD tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến nhà chị Đồng Thị Hoài N, sinh năm 1994 ở thôn Đôn Giáo, xã Cộng Lạc, huyện TK, tỉnh HD, quan sát thấy trong sân nhà có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Noza màu trắng, biển số 34B2-38325 nhưng không có người trông giữ, S điều khiển xe mô tô vào ngõ bên cạnh nhà chị N để cạnh giới còn T mở cổng vào sân nhà chị N. Do chìa khóa xe mô tô vẫn cắm ở ổ khóa điện, T dắt xe mô tô ra ngoài cổng, mở khóa điện rồi cùng với S mang xe mô tô chiếm đoạt trên đến bán cho anh Vũ Văn Kh được số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). T chia cho S 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Số tiền bán xe, cả hai đã chi tiêu hết.

Ngày 04/4/2022, chị Đồng Thị Hoài N và chị Lê Thị Th có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK, tỉnh HD và giao nộp 02 thẻ nhớ hiệu CACONGTA loại micro SDHC 4GB màu đen, bên trong chứa hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản. Qua rà soát, ngày 08/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK đã tiến hành triệu tập Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T để làm việc, T và S đã khai nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Wish, kiểu dáng Future, sơn màu xanh, biển số 16H7- 3953.

*Tại các Bản Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-ĐGTS và 06/KL-ĐGTS ngày 08/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện TK kết luận: Giá trị của 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus 124, màu sơn đỏ - đen, biển số 34B3- 860.64 trị giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng); 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Noza màu trắng, biển số 34B2- 38325 trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).*

*Tại Kết luận giám định số: 2709/KL-KTHS ngày 12/5/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video có tên “vụ trộm Đôn Giáo.mp4” (dung lượng 8,92MB, thời lượng 01 phút 11 giây) gửi giám định.*

*Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wish, kiểu dáng Future, màu sơn xanh, biển số 16H7- 3953 hiện đang quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện TK chờ xử lý theo quy định. Đối với 02 thẻ nhớ nhãn hiệu*

CACONGTA loại micro SDHC 4GB màu đen hiện được quản lý kèm theo hồ sơ vụ án.

*Về trách nhiệm dân sự:* Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn S (*chồng chị Th*) yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) bồi thường trị giá chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*); chị Đồng Thị Hoài N yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá, về kết luận giám định, về vật chứng và về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố các bị cáo về tội danh trên là đúng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại bằng tiền và bị cáo S trình bày bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại như bị cáo T.

Bị hại chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn S, chị Đồng Thị Hoài N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì chị Lê Thị Th và chị Đồng Thị Hoài N vẫn có mặt. Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn S yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T phải bồi thường cho vợ chồng anh chị trị giá chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*); chị Đồng Thị Hoài N yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị trị giá chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Đồng thời các bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số: 33/CT-VKSTK ngày 22/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) từ 22 đến 25 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và tài sản riêng; Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) phải bồi thường cho chị Lê Thị Th

và anh Nguyễn Văn S số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Th và anh S số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*); bồi thường cho chị Đồng Thị Hoài N số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị N số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*). Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: lưu trong hồ sơ vụ án 02 (*hai*) thẻ nhớ nhãn hiệu CACONGTA loại micro SDHC 4GB màu đen; tịch thu, phát mại, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Wish, kiểu dáng Future màu sơn xanh, biển số 16H7- 3953, số máy 53FMH 01044783, số khung PCH 00124-044783, xe đã cũ đã qua sử dụng, phần nhựa hông xe bên trái bị vỡ, không kiểm tra chất lượng máy của bị cáo Nguyễn Văn S (*có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện TK và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK ngày 23/6/2022*). Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*), mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở đơn trình báo và lời khai của bị hại, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, sơ đồ hiện trường, biên bản giải trình hình ảnh camera, biên bản họp định giá tài sản, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 19 giờ 30 phút ngày 17/01/2022, tại xã Đồng Lạc, huyện TK, tỉnh HD, lợi dụng không có người trông giữ, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Junus màu đỏ đen, biển số 34B3- 860.64 trị giá 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*)

của chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn S; chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Noza, màu sơn trắng, biển số 34B2- 383.25 trị giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) của chị Đồng Thị Hoài N. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt những chiếc xe mô tô trên của vợ chồng chị Th và anh S, của chị N là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Tổng trị giá hai chiếc xe mô tô mà các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Viện kiểm sát nhân dân huyện TK đã truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đã lợi dụng sự sơ hở của vợ chồng chị Th và anh S, của chị N trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, phân công nhau từ trước nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án thì thấy: bị cáo Nguyễn Văn S là người đề xuất rủ bị cáo Nguyễn Văn T đi trộm cắp tài sản, điều khiển xe mô tô chở T đi trộm cắp tài sản, cảnh giới cho T vào trộm cắp tài sản và bị cáo T trực tiếp trộm cắp tài sản của gia đình chị Th và chị N rồi các bị cáo lại cùng nhau đi tiêu thụ tài sản, bị cáo T là người được hưởng số tiền bán xe mô tô nhiều hơn bị cáo S. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Cả hai bị cáo đều thực hiện hai hành vi trộm cắp tài sản của gia đình chị Th và chị N, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên; cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đều có hai tiền án, đều đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo S là người đề xuất việc trộm cắp tài sản còn bị cáo T là người trực tiếp vào trộm cắp tài sản, cả hai cùng nhau đi tiêu thụ tài sản để chia nhau nên hai bị cáo có vai trò như nhau và phải chịu mức hình phạt ngang nhau. Tuy nhiên, các bị cáo đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn cần thiết phải cách ly các bị cáo

khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Đối với anh Vũ Văn Kh không thừa nhận hành vi mua hai chiếc xe mô tô là tài sản do S và T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus 124, màu sơn đỏ đen, biển số 34B3- 860.64 là tài sản hợp pháp của vợ chồng chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn S trị giá 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Noza màu trắng, biển số 34B2- 38325 trị giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) là tài sản hợp pháp của chị Đồng Thị Hoài N bị bị cáo S và T trộm cắp đều không thu hồi được để trả lại cho bị hại. Chị Th và anh S yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô của vợ chồng anh chị với số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*); chị N yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị giá trị chiếc xe máy là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho họ trị giá tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt theo giá trị đã được Hội đồng định giá đã định giá và theo yêu cầu của bị hại với số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự và các bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Bị cáo S cũng nhất trí sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại như bị cáo T; chia theo phần, bị cáo S và T, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Th và anh S số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*); mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị N số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 thẻ nhớ nhãn hiệu CACONGTA loại micro SDHC 4GB màu đen là chứng cứ, tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo được lưu trong hồ sơ vụ án. Đối với chiếc điện thoại S sử dụng để gọi điện rủ T đi trộm cắp tài sản, S khai nhận đã bán cho một người đàn ông không quen biết; đối với chiếc điện thoại của T, T khai nhận đã bị rơi mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết. Đối với 02 sim số điện thoại S và T sử dụng để liên lạc với nhau, cả hai đều sử dụng sim rác không đăng ký chủ để liên lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK không xác định được là số điện thoại nào. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wish, kiểu dáng Future màu sơn xanh, biển số 16H7- 3953 là tài sản của bị cáo S. Các bị cáo đã sử dụng chiếc xe này để chở nhau đi trộm cắp tài sản, chiếc xe là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên sẽ tịch thu, phát mại, nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải bồi thường cho các bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

**1. Tuyên bố:** bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn S 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*) phải bồi thường cho chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn S số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Th và anh S số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*); bồi thường cho chị Đồng Thị Hoài N số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị N số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn S, chị Đồng Thị Hoài N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường nêu trên, nếu các bị cáo chậm thi hành thì các bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

**3. Về xử lý vật chứng:** lưu trong hồ sơ vụ án 02 (*hai*) thẻ nhớ nhãn hiệu CACONGTA loại micro SDHC 4GB màu đen; tịch thu, phát mại, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Wish, kiểu dáng Future màu sơn xanh, biển số 16H7- 3953, số máy 53FMH 01044783, số khung PCH 00124-044783, xe đã cũ đã qua sử dụng, phần nhựa hông xe bên trái bị vỡ, không kiểm tra chất lượng máy của bị cáo Nguyễn Văn S (*có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện TK và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK ngày 23/6/2022*).

**4. Về án phí:** buộc các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Văn Th*), mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án

phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện TK;
- VKSND tỉnh HD;
- Cơ quan điều tra Công an huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện TK
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh HD ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh HD;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thúy Hạnh**

### **Kế hoạch xét hỏi**

#### **I) Hỏi chung các bị cáo:**

- Các bị cáo đã được nghe đại diện VKS công bố bản cáo trạng truy tố các bị cáo trước phiên tòa, các bị cáo thấy cáo trạng vừa công bố và bản cáo trạng các bị cáo được nhận có giống nhau không?
- Các bị cáo trình bày mối quan hệ giữa các bị cáo với nhau, quan hệ giữa các bị cáo với bị hại chị Thanh, anh San và chị Nam? Giữa các bị cáo và những người trên có mâu thuẫn gì không?
- Các bị cáo trình bày lý do vì sao các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam?

**A. Hỏi các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình chị Thanh và anh San.**

**II) 1. Hỏi bị cáo Sáng:**

- Bị cáo trình bày toàn bộ diễn biến sự việc xảy ra vào ngày 17/01/2022?
- Vào khoảng 13 giờ 30' ngày 17/01/2022, bị cáo và Tuyền có hành vi vi phạm pháp luật cụ thể như thế nào? Trước khi trộm cắp tài sản, các bị cáo có bàn bạc, phân công vai trò cụ thể của từng người như thế nào không? Ai là người đề xuất việc trộm cắp tài sản? Bị cáo sử dụng điện thoại loại gì, có đặc điểm như thế nào để liên lạc với Tuyền, bị cáo gọi cho Tuyền từ số điện thoại nào đến số điện thoại nào? Nay, chiếc điện thoại này ở đâu?
- Các bị cáo đi trộm cắp tài sản tại đâu, đi bằng phương tiện gì, nguồn gốc của phương tiện này, phương tiện này của ai, đặc điểm phương tiện bị cáo đi trộm cắp thế nào? Mục đích trộm cắp tài sản để làm gì? Chiếc xe máy này là của riêng bị cáo hay của chung bị cáo với người vợ bị cáo đã ly hôn?
- Nay, chiếc xe mà bị cáo chở Tuyền đi trộm cắp tài sản ở đâu?
- Các bị cáo có chuẩn bị công cụ gì để đi trộm cắp tài sản không?
- Bị cáo gặp Tuyền tại đâu? Ai là người đề xuất việc trộm cắp tài sản? Khi đó, bị cáo nói thế nào với Tuyền?
- Ai là người điều khiển xe mô tô đi trộm cắp tài sản?
- Khi nào và đi đến đâu thì các bị cáo phát hiện thấy có tài sản để trộm cắp?
- Ai là người trực tiếp vào trộm cắp tài sản? Ai là người canh giới? Khi đó, bị cáo làm gì?
- Bằng cách nào các bị cáo chiếm đoạt được chiếc xe máy của vợ chồng chị Thanh và anh San?
- Vợ chồng chị Thanh dựng chiếc xe máy ở đâu? Ngoài chiếc xe máy trên, bị cáo còn trộm cắp tài sản gì khác của vợ chồng chị Thanh không? Các bị cáo quan sát xung quanh thế nào trước khi chiếm đoạt chiếc xe máy của vợ chồng chị Thanh?
- Đặc điểm của chiếc xe máy mà bị cáo đã chiếm đoạt của vợ chồng chị Thanh thế nào?
- Theo bị cáo, trị giá chiếc xe máy của vợ chồng chị Thanh là bao nhiêu tiền, bị cáo có ý kiến gì về kết luận định giá về giá trị chiếc xe máy của vợ chồng chị Thanh trị giá là 13 triệu đồng không?
- Sau khi trộm cắp được xe máy của vợ chồng chị Thanh thì các bị cáo đã làm gì với chiếc xe này? Các bị cáo đã bán chiếc xe này cho ai, người này có quan hệ như thế nào với các bị cáo? Các bị cáo bán xe được bao nhiêu tiền, chia nhau như thế nào? Có căn cứ nào để chứng minh việc bị cáo bán chiếc xe này cho anh Vũ Văn Khoát ở thôn Đông Nham 1, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng? Anh Khoát không thừa nhận việc đó và Cơ quan điều tra đã tiến hành

đối chất với anh Khoát nhưng không đủ căn cứ chứng minh việc các bị cáo đã bán chiếc xe trên cho anh Khoát thì bị cáo có ý kiến gì không?

- Đến nay, chiếc xe máy này của vợ chồng chị Thanh và anh San đã được thu hồi trả lại cho bị hại chưa?

- Do chiếc xe chưa được thu hồi trả lại cho bị hại nên họ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho họ trị giá chiếc xe là 13 triệu đồng, bị cáo có ý kiến gì không?

- Bị cáo còn trình bày và đề nghị gì nữa không?

## **2. Hỏi bị cáo Tuyên:**

- Bị cáo đã được nghe bị cáo Sáng khai, có gì đúng sai và cần bổ sung gì không?

- Ai là người đề xuất, ai là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của vợ chồng chị Thanh? Bị cáo làm gì khi cùng bị cáo Sáng trộm cắp chiếc xe máy của vợ chồng chị Thanh?

- Bị cáo có ý kiến gì về kết luận giá trị xe máy của vợ chồng chị Thanh là 13 triệu đồng?

- Sau khi trộm cắp được xe của vợ chồng anh chị Thanh San thì các bị cáo làm gì? Bị cáo có biết nguồn gốc chiếc xe mà bị cáo Sáng chở bị cáo đi trộm cắp tài sản không? Bị cáo và Sáng chia cho nhau tiền như thế nào?

- Sau khi trộm cắp được xe máy của vợ chồng chị Thanh thì các bị cáo đã làm gì với chiếc xe này? Các bị cáo đã bán chiếc xe này cho ai, người này có quan hệ như thế nào với các bị cáo? Các bị cáo bán xe được bao nhiêu tiền, chia nhau như thế nào? Có căn cứ nào để chứng minh việc bị cáo bán chiếc xe này cho anh Vũ Văn Khoát ở thôn Đông Nham 1, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng? Anh Khoát không thừa nhận việc đó và Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất với anh Khoát nhưng không đủ căn cứ chứng minh việc các bị cáo đã bán chiếc xe trên cho anh Khoát thì bị cáo có ý kiến gì không?

Ngoài ra, bị cáo còn trình bày và đề nghị gì thêm không?

**A. Hỏi các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình chị Thanh và anh San.**

**B. Hỏi về hành vi trộm cắp xe của chị Nam cũng tương tự như trên.**

## **Hỏi chung hai bị cáo:**

- Các bị cáo có nhận thức nh- thế nào về hành vi của mình?

- Về nhân thân, các bị cáo đã từng bị Tòa án nào kết án, vào thời gian nào, về hành vi gì, đã chấp hành ra sao?

- Hoàn cảnh của bị cáo thế nào, công việc cụ thể, thu nhập ra sao, gia đình và bản thân các bị cáo có thành tích gì không, có ai đ- ợc Nhà n- ớc tặng th- ơng Huân huy ch- ơng gì không? Có thuộc hộ nghèo, cận nghèo hay không?

- Các Bị cáo còn trình bày và đề nghị gì thêm không?

**C. Hỏi bị hại chị Thanh, anh San và chị Nam (nếu có mặt).**

- Chị cho biết ngày 17/01/2022, gia đình chị bị mất trộm tài sản gì, cụ thể việc mất trộm tài sản đó diễn ra như thế nào, tài sản đó là của ai, mang tên ai, đặc điểm, trị giá?

- Chị có nghi ngờ cho ai không, tại sao đến ngày 04/4/2022 chị mới trình báo cho cơ quan công an huyện Tứ Kỳ?

- Chị đã giao nộp cho cơ quan công an tài liệu gì để họ truy tìm kẻ trộm cắp và tìm lại tài sản cho chị?

- Đến nay, chị đã nhận lại tài sản bị mất chưa và có đề nghị gì đối với các bị cáo?

- Ngoài ra, chị còn trình bày và đề nghị gì không?

III) Chủ tọa công bố lời khai của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có trong hồ sơ vụ án và hỏi các bị cáo có ý kiến gì về lời khai của họ không?